TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2022/DS-ST
Ngày 20/7/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, bà Nguyễn Thúy Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Tấn T; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tấn T: Anh Trần Nhật B, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông *(Theo giấy ủy quyền ngày 12/7/2022)*– có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức A; địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2022, tại lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nhật B tại phiên tòa:

Ông Trần Tấn T làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 63B8002534 do Phòng tài chính kế hoạch huyện M cấp ngày 12/10/2010. Ngày 08/7/2020 giữa ông Trần Tấn T và ông Nguyễn Đức A xác lập hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, qua đó thỏa thuận ông T bán cho ông A các mặt hàng là cát, đá và xi măng với giá 01 xe 8 khối cát là 2.760.000 đồng; 01 xe 08 khối đá có giá là 2.250.000 đồng; giá xi măng Long Sơn là 167.000/1 tạ. Ngày 30/8/2020 giữa ông T và ông A đã đối chiếu nợ với nhau và xác định số tiền ông A còn nợ ông T là 147.820.000 đồng. Ông A có viết giấy nhận nợ và thỏa thuận 10 ngày sau (tức ngày 09/9/2020) ông A sẽ trả đủ số tiền còn nợ cho ông T. Tuy nhiên, đến thời hạn trả mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông A trả nợ theo nội dung đã thỏa thuâng nhưng ông A vẫn không trả nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A phải trả số tiền còn nợ là 147.820.000 đồng và mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) trên số dư nợ gốc tính từ ngày 30/8/2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nhật Bảnyêu cầu Tòa án buộc ông A phải trả số tiền nợ gốc là 147.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 10/9/2020 đến ngày 20/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm), cụ thể: 147.820.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng 10 ngày = 27.400.000 đồng (làm tròn).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức A trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông A theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên ông A đều vắng mặt đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơnlà Nguyễn Đức A phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Tấn T số tiền nợ gốc là147.820.000 đồng và khoản tiền lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 10/9/2020 đến ngày 20/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm), cụ thể: 147.820.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng 10 ngày = 27.400.000 đồng (làm tròn).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Đức A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là ông Trần Tấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức A phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 147.820.000 đồng theo hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng ngày 08/7/2020; giấy xác nhận nợ đề ngày 30/8/2020 nên quan hệ tranh chấp được xác định là *"Tranh chấp hợp đồngmua bán tài sản"*; tại thời điểm khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Đức A có nơi cư trú tại thôn X, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vấn đề áp dụng về thời hiệu không đưa ra xem xét.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Nguyễn Đức A, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức A phải thanh toán số tiền 147.820.000 đồng theo hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng ngày 08/7/2020; giấy xác nhận nợ đề ngày 30/8/2020, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng ngày 08/7/2020; giấy xác nhận nợ đề ngày 30/8/2020 (BL 12, 13, 14), Hội đồng xét xử thấy rằng chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản gốc, nội dung thể hiện bên bán là ông Trần Tấn T và bên mua là ông Nguyễn Đức A, số tiền bên mua còn nợ bên bán là 147.820.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là sau 10 ngày kể từ ngày 30/8/2020 (tức ngày 09/9/2020), trong hợp đồng mua bán, giấy xác nhận nợ đều thể hiện có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đức A, các bên thực hiện giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự thì giao dịch mua bán tài sản giữa ông T và ông A đủ điều kiện có hiệu lực, từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của ông A. Nội dung giấy xác nhận nợ thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh

toán, việc ông A không thanh toán theo thời hạn như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả tiền của bên mua được quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự, vì vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc 147.820.000 đồng hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng ngày 08/7/2020, giấy xác nhận nợ đề ngày 30/8/2020là có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần Tấn T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức A phải trả số tiền lãi của số tiền 147.820.000 đồng với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 30/8/2020.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nhật B yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức A phải thanh toán khoản tiền lãi suất của số tiền 147.820.000 đồng với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 10/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng ngày 08/7/2020; giấy xác nhận nợ đề ngày 30/8/2020 thì các bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên đến thời hạn trả tiền nhưng ông A không thực hiện, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự ông A phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định:

"2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi suất của số tiền 147.820..000 đồng với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%tháng) tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền ngày 10/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận và sẽ được tính cụ thể như sau: 147.820.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng 10 ngày = 27.400.000 đồng (làm tròn) và tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn là 175.220.000 đồng.

2.3. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 144,Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả ông Trần Tấn T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn T.

Buộc ông Nguyễn Đức A phải trảcho ông Trần Tấn Tsố tiền 175.220.000 đồngtrong đó: Số tiền nợ gốc là 147.820.000 đồng và số tiền lãi là 27.400.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức A phải chịu số tiền 8.761.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Trần Tấn T số tiền 4.088.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0000806, ngày 14 tháng 3 năm 2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện ĐắkMil;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

-Chi cục THA dân sự huyện M;
-Các đương sự;
-Lưu.

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Hội